

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HS-ST
Ngày 31- 3 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn
2. Bà Hoàng Lệ Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Hội trường A trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2022/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HS ngày 15/3/2022 đối với các bị cáo.

1. Tăng Trọng T (tên gọi khác: Tăng), sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai ; thường trú: 83B ấp 1 phường H, Thành phố H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Tăng Trọng G và con bà Võ Thị N; bị cáo có vợ tên Tống Kim T, sinh năm 1996 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền sự, tiền án: Không có.

Nhân thân: Ngày 27/8/2012 bị UBND Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quyết định số 3798, ngày 4/7/2014 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 27/9/2021, có mặt.

2. Nguyễn Trương T1 (tên gọi khác: Đen), sinh năm 1993 tại tỉnh Đồng Nai ; thường trú: 116B ấp 1 phường H, Thành phố H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc H và con bà Trương Thị Thu M; bị cáo có vợ tên Lê Thị Nguyệt S, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không có.

Nhân thân: Ngày 25/7/2013 bị UBND huyện Tân Uyên (nay là thị xã Tân Uyên), tỉnh Bình Dương ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quyết định số 5626, ngày 11/2/2015 được miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 27/9/2021, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đặng Ngọc P, sinh năm 1985; thường trú: Ấp B xã T huyện R, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1972; thường trú: Ấp Đ xã T, huyện R tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

Người làm chứng : Anh Nguyễn Hoàng Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 27/9/2021, bị cáo Tăng Trọng T đi bộ đến nhà bị cáo Nguyễn Trương T1 nhờ T1 chở đi mua ma túy. T1 điều khiển xe mô tô biển số 68T9 – 0377 chở T đến vòng xoay An Phú thuộc thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, T1 đứng đợi bên ngoài T đi bộ vào trong gặp người phụ nữ tên Huyền (không rõ nhân thân) mua 01 gói ma túy giá 600.000 đồng, T trả 350.000 đồng và nợ 250.000 đồng bằng cách thế chấp cho Huyền 01 điện thoại hiệu Samsung J2. T bỏ gói ma túy vào trong bóp da cất vào túi quần trước của mình ra gặp T1. T điều khiển xe chở T1 về, khi cả hai lưu thông đến trước nhà 8/19A đường Chiêu Liêu, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị Công an phường Tân Đông Hiệp kiểm tra hành chính, lúc này T, T1 thừa nhận mua ma túy về sử dụng nên bị lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ: 03 gói nylông hàn kín chứa tinh thể màu trắng; 01 gói nylông màu trắng cam xanh chứa tinh thể rắn; 01 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng trọng lượng 0,8776 gam; 01 xe mô tô biển số 68T9 – 0377 nhãn hiệu Dream màu nâu.

Căn cứ Kết luận giám định số 645/MT-PC09 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng, gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,8776 gam (M2), loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng, gửi giám định, có khối lượng: 0,5282 gam (M1-1); 0,5678 gam (M1-2); 0,5455 gam (M1-3); 0,9702 gam (M1-4), tìm không thấy loại ma túy thường gặp

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển số 68T9 – 0377, số khung: C100M – E 04973, số máy: C100ME – E 4973, bị cáo T1 khai nhận xe trên mua ở tiệm sửa xe, chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Ngày 06/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An trung cầu giám định số khung, số máy của xe mô tô trên thì xác định số khung C100M – E 04973 là số nguyên thủy được hàn vào vị trí trên cổ của khung xe khác. Đối với biển số xe 68T9 – 0377 qua tra cứu xác định chủ sở hữu là anh Đặng Ngọc P, sinh năm 1985, trú tại ấp B, xã T huyện R, tỉnh Kiên Giang. Anh P khai nhận chỉ đứng tên dùm chủ sở hữu cho anh Trần Văn T2, sinh năm 1972, trú tại ấp Đ xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang. Anh T2 khai nhận xe mô tô trên của anh bị mất trộm khoảng tháng 3/2021 tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Cáo trạng số 84/CT-VKS - DA ngày 02/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Tăng Trọng T, Nguyễn Trương T1 về tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ

Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tăng Trọng T từ 16 tháng đến 18 tháng tù.

Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trương T1 từ 14 tháng đến 16 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy ma túy còn lại sau giám định; các tinh thể màu trắng không phải là ma túy

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe mô tô có số khung C100M – E 04973, số máy: C100ME – E 4973.

Trả lại anh Trần Văn T2 biển số xe mô tô 68T9 – 0377.

Bị cáo Tăng Trọng T, Nguyễn Trương T1 không tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, trước khi hội đồng vào nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định bị cáo phạm tội: Các bị cáo Tăng Trọng T, Nguyễn Trương T1 sử dụng ma túy, ngày 27/9/2021 khi kiểm tra hành chính T, T1 thu giữ 0,8776 gam ma túy loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 323 Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Như vậy, hành vi trên của bị cáo T, T1 đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 84/ CT – VKS ngày 04/3/2022 của Viện kiểm sát Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, T1 không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết trên được quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo T, T1 có nhân thân xấu, thể hiện việc các bị cáo sử dụng ma túy trong thời gian dài, các bị cáo đã từng bị đưa đi cai nghiện bắt buộc ma túy, nhưng sau đó tiếp tục sử dụng ma túy thể hiện sự không hướng thiện của bản thân.

[6] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người bỏ tiền đi mua ma túy, và rủ T1 chở đi mua ma túy để sử dụng. Do vậy, mức hình phạt bị cáo T phải cao hơn so với bị cáo T1.

[7] Về tính chất mức độ tội phạm: Bị cáo T, T1 phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 05 năm tù, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, hiện nay hành vi mua bán trái phép chất ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy diễn ra nhiều và phức tạp việc này ảnh hưởng rất lớn đến sự an toàn, an nguy của xã hội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ ma túy còn lại sau giám định, chất tinh thể rắn không phải ma túy không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với xe mô tô các bị cáo sử dụng vào việc mua ma túy cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với biển số xe 68T9 – 0377 cần trả lại anh Trần Văn T2.

[9] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, việc xử lý vật chứng, mức hình phạt bị cáo T, T2 phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo T, T1 phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Tăng Trọng T, Nguyễn Trương T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1 Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Tăng Trọng T 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

1.2 Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trương T1 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

Thời hạn tù đối với bị cáo T, T1 tính từ ngày bị tạm giữ, bắt giam ngày 27/9/2021.

2. Các biện pháp tư pháp.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư được niêm phong, bên ngoài ghi số 645M1/PC09, bên trong chứa mẫu vật sau giám định M1-1= 0,3788 gam; M1-2 = 3992 gam; M1-3 = 0,3750 gam; M1-4 = 0,8310 gam tìm không thấy loại ma túy thường gặp; 01 bì thư được niêm phong bên ngoài ghi số 645/M2/PC09, bên trong chứa mẫu vật sau giám định M2 -0,8196 gam loại Methamphetamine.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Xe mô tô có số khung C100M-E04973, số máy C100ME-E4973

Trả cho anh Trần Văn T2 biển số xe 68T9- 0377

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Tăng Trọng T, Nguyễn Trương T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Dĩ An;
- Công an TP Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự TP Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- VKS tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh